

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 376/2020/DS-PT  
Ngày: 28/9/2020  
V/v tranh chấp: "Hợp đồng mua bán tài sản"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Đạt

*Các Thẩm phán:* Ông Huỳnh Hiếu

Bà Trần Thị Thu Hằng

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 152/2019/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện CH, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 324/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương S:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị S, sinh năm 1964(có mặt);

Địa chỉ : Ấp C, xã T, huyện CH, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1960 (có mặt);

(Theo văn bản ủy quyền ngày 22/4/2019);

Địa chỉ : Ấp C, xã T, huyện CH, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn TR, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện CH, tỉnh T.

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Bùi Lưu L-văn phòng luật sư L Huy, Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Địa chỉ : 65/1 Ấp Bắc , khu phố 4, Phường 10 Thành phố Mỹ Tho , Tiền Giang

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lê Văn TR.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo án sơ thẩm;*

*Nguyên đơn bà Võ Thị S, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị Đ thống nhất trình bày:*

Vào khoảng tháng 01/2017 giữa bà Võ Thị S và ông Lê Văn TR có thỏa thuận mua bán thức ăn gia súc (thức ăn heo). Hai bên thỏa thuận bà S giao thức ăn gia súc cho ông TR, khi nào xuất chuồng (khoảng 4 – 5 tháng) sẽ thanh toán tiền. Cụ thể, bà S có giao thức ăn chăn nuôi heo cho ông TR rất nhiều lần và có tổng kết tiền nợ làm nhiều đợt, cụ thể như sau:

\* Đợt thứ nhất:

- Từ ngày 10/01/2017 đến ngày 06/02/2017, số nợ là 74.400.000 đồng.
- Từ ngày 13/02/2017 đến ngày 13/3/2017, số nợ là 73.388.000 đồng.
- Từ ngày 23/3/2017 đến ngày 15/4/2017, số nợ là 36.156.000 đồng.

Tổng số tiền của đợt 1 này là 183.944.000 đồng. Ông TR đã thanh toán được 155.000.000 đồng, còn nợ lại 28.944.000 đồng, cụ thể là:

- Ngày 05/4/2017 trả 40.000.000 đồng.
- Ngày 13/8/2017 trả 20.000.000 đồng.
- Ngày 14/8/2017 trả 10.000.000 đồng.
- Ngày 23/8/2017 trả 25.000.000 đồng.
- Ngày 17/10/2017 trả 10.700.000 đồng.
- Ngày 18/10/2017 trả 11.300.000 đồng.
- Ngày 19/10/2017 trả 8.000.000 đồng.
- Ngày 20/10/2017 trả 10.000.000 đồng.
- Ngày 22/10/2017 trả 10.000.000 đồng.
- Ngày 25/10/2017 trả 10.000.000 đồng.

\* Đợt thứ hai:

- Từ ngày 26/4/2017 đến ngày 23/5/2017, số nợ là 26.083.000 đồng.
- Từ ngày 24/5/2017 đến ngày 08/6/2017, số nợ là 10.350.000 đồng.
- Từ ngày 12/6/2017 đến ngày 30/7/2017, số nợ là 82.624.000 đồng.

Tổng số tiền của đợt 2 này là 119.057.000 đồng cộng nợ cũ 28.944.000 đồng, tổng số nợ đến thời điểm này là 148.001.000 đồng, ngày 10/12/2017 ông TR gửi trả được 40.000.000 đồng, còn nợ lại 108.001.000 đồng.

\* Đợt thứ ba:

- Từ ngày 03/8/2017 đến ngày 30/8/2017, số nợ là 56.037.000 đồng.
- Từ ngày 03/9/2017 đến ngày 09/10/2017, số nợ là 52.350.000 đồng.
- Từ ngày 19/10/2017 đến ngày 13/11/2017, số nợ là 34.805.000 đồng.
- Từ ngày 22/11/2017 đến ngày 05/01/2018, số nợ là 33.851.000 đồng

Tổng số tiền của đợt 3 này là 177.043.000 đồng cộng nợ cũ là 108.001.000 đồng. Tổng số nợ đến thời điểm này là 285.044.000 đồng, trừ đi số tiền 130.000 đồng do ông TR trả lại 02 bịch thức ăn cho heo con nên số nợ còn 284.914.000 đồng.

Giữa hai bên khi giao thức ăn ông TR có ký nhận hàng vào sổ và ông TR cũng được giao 01 cuốn sổ theo dõi. Tại đơn khởi kiện bà S yêu cầu trả số nợ vốn 284.914.000 đồng.

Khi mua bán giữa hai bên không có lập bằng văn bản, chỉ có công ty hỗ trợ cho hộ chăn nuôi heo trong thời hạn 12 tháng là 10.000.000 đồng, do cán bộ tiếp thị (tên Tín, hiện nghỉ làm, không biết rõ địa chỉ) ghi vào sổ, cũng không có ký tên.

Thực tế bà S đã giao thức ăn đến tháng 01/2018, do bên ông TR không thanh toán đầy đủ nên không đủ tiền để cung cấp thức ăn cho ông TR và có thông báo cho ông TR biết.

Tháng 12/2017 ông TR còn ký tên. Ngày 02/01/2018 ông TR trực tiếp chở 01 bao 81 (thức ăn heo con) giá 225.000 đồng và 05/01/2018 ông TR có trực tiếp vào chở 03 bao 34s (thức ăn heo lớn) giá trị là 741.000 đồng nên không có ký tên. Nếu ông TR không thừa nhận thì không yêu cầu trả, chỉ yêu cầu trả số nợ là 284.914.000 đồng - (225.000 đồng + 741.000 đồng) = 283.948.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*Bị đơn ông Lê Văn TR trình bày:*

Ông thừa nhận tháng 01/2017 giữa ông và bà S có thỏa thuận mua bán thức ăn gia súc, cụ thể bà S giao thức ăn để ông chăn nuôi heo, khi nào xuất chuồng (khoảng 07 tháng) sẽ trả. Bà S có giao cho ông 01 cuốn sổ để theo dõi và bà có 01 cuốn sổ để giao hàng. Ông thừa nhận có ký tên vào sổ nhận hàng mà bà S cung cấp cho Tòa, tuy nhiên số lượng hàng trong sổ là không chính xác vì khi ký tên cuốn sổ còn nhiều khoảng trống (02 hàng ghi 01 hàng bỏ trống). Cuốn sổ bà S giao cho ông, bà S có mượn nhiều lần và có tự ý ghi thêm vào, ông không biết chính xác được trang nào, hiện tại ông cũng không thể tính được số lượng cám chính xác, ông chỉ ước lượng tổng số nợ 270.000.000 đồng, ông đã trả được 195.000.000 đồng, nên chỉ còn thiếu lại khoảng 75.000.000 đồng, đồng ý trả 75.000.000 đồng.

Giữa ông và bà S có làm hợp đồng bằng văn bản có S làm chứng của nhân viên công ty (Kyodo-Sojitz) bán thức ăn cho bà S nhưng hợp đồng này ông không được giữ. Bà S đã thông báo ông ngưng giao cám ngày 13/11/2017 nên dẫn đến heo bị chết và giảm chất lượng một số, lúc này giá heo giảm nên các đại

lý khác không bán thiếu thức ăn cho ông. Việc heo ông bị giã mổ và chết không ai biết, ông chỉ báo cho bà S biết, ông cũng không lưu lại chứng cứ gì. Trong quá trình mua bán, ông có trả nhiều đợt tuy có thiếu nhưng không nhớ con số chính xác vì bà S cũng không công bố số nợ nên không biết. Việc mua bán không liên quan đến Công ty Kyodo-Sojitz, công ty có cho 10.000.000 đồng để ăn Tết.

Về thiệt hại hiện tại ông chưa thu thập được chứng cứ, khi nào thu thập đủ ông sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Tại Bản án dân S sơ thẩm số 152/2019/DS-ST ngày 13/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã áp các điều 430, 431, 433 và Điều 440 Bộ luật Dân S 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông Lê Văn TR trả cho bà Võ Thị S 283.948.000 đồng, thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân S tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương S.

Ngày 24/6/2019, bị đơn ông Lê Văn TR có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng sửa bản án sơ thẩm, ông tự nguyện trả cho bà Võ Thị S số tiền 75.000.000 đồng một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*Tại phiên tòa phúc thẩm;*

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương S không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Ông TR có xác lập hợp đồng mua bán thức ăn gia súc với ông TR (thức ăn nuôi heo); Do heo thịt sụt giá và dịch bệnh nên bà S không tiếp tục cung cấp thức ăn cho ông TR; Ông TR chỉ nuôi 10 con heo nái nhưng số lượng thức ăn bà S khởi kiện tới 4 tấn thức ăn là không phù hợp. Cho nên, ông TR xác nhận chỉ còn nợ bà S 75.000.000 đồng là có cơ sở. Hiện tại ông TR có khó khăn về kinh tế, được xác nhận của hính quyền địa phương, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng qui định của pháp luật về tố tụng dân S; Về nội dung: Bà S và ông TR có xác lập hợp đồng mua bán thức ăn gia súc là có thật. Khi mua bán thì hai bên có

lập sổ theo dõi lượng thức ăn giao, nhận. Ông TR cho rằng bà S có mượn sổ của ông nhiều lần về ghi thêm là không có cơ sở. Ông TR thừa nhận chỉ còn nợ bà S 75.000.000 đồng là không có cơ sở. Quá trình kháng cáo ông TR có yêu cầu tòa án phúc thẩm giám định chữ ký của ông, kết quả giám định đều xác định đúng chữ ký tên của ông. Ông TR không còn chứng cứ nào khác để chứng minh. Đối với việc ông TR xin miễn giảm án phí là không phù hợp với Nghị Quyết 326 của Quốc Hội nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông TR, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân S.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương S và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” là phù hợp với Điều 430 Bộ luật Dân S.

[2] Về nội dung: Các bên đương S cùng trình bày thống nhất, bà S là người bán thức ăn gia súc cho ông TR là người mua. Quá trình mua bán hai bên thỏa thuận bà S giao thức ăn gia súc, ông TR ký nhận, thời gian thanh toán khi ông TR xuất chuồng bán heo sẽ trả. Hai bên bắt đầu thực hiện mua bán từ tháng 01/2017 đến tháng 01/2018 thì ngưng. Quá trình mua bán, hai bên có lập 02 cuốn sổ để theo dõi công nợ, đối với cuốn sổ của bà S đang quản lý thì thể hiện ngày, tháng, số lượng thức ăn mà ông TR mua hàng, thành tiền và ông TR có ký nhận từng đợt nhận hàng và trả một phần tiền. Đối với cuốn sổ theo dõi do ông TR quản lý cũng thể hiện ngày tháng, số lượng, thành tiền của từng đợt bà S giao hàng cho ông TR. Đến đầu năm 2018 thì các bên ngưng giao dịch mua bán và phát sinh tranh chấp.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn TR, Hội đồng xét xử thấy rằng, hợp đồng mua bán thức ăn gia súc giữa bà S (bên bán) và ông TR (bên mua) đã thật S phát sinh. Qua đối chiếu sổ sách chứng từ do các bên đương S cung cấp thì ông TR còn nợ lại bà S số tiền 284.914.000 đồng - (225.000 đồng + 741.000 đồng) = 283.948.000 đồng là có cơ sở. Bởi lẽ, bà S chứng minh bằng cuốn giao hàng, trả tiền, nợ tiền có chữ ký nhận của ông TR. Xét nội dung bản án sơ thẩm buộc ông TR phải trả cho bà S số tiền 283.948.000 đồng là phù hợp với pháp luật. Ông TR cho rằng ông không biết rõ số nợ, tuy hai bên có sổ theo dõi mua bán, ông cũng có ký tên vào sổ của bà S nhưng bà S có mượn sổ ông nhiều lần và tự ý ghi thêm vào sổ ông, đồng thời ghi thêm vào sổ của bà S để tăng số nợ. Ông ước lượng tổng số nợ là 270.000.000 đồng, đã trả được 195.000.000 đồng nên chỉ còn nợ khoảng 75.000.000 đồng và chỉ đồng ý trả cho

bà S 75.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ khi vụ án được thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm đến phiên tòa phúc thẩm ông TR cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông chỉ nợ bà S 75.000.000 đồng, bà S cũng không thừa nhận lời trình bày của ông TR, trong khi nội dung của hai cuốn sổ là phù hợp nhau. Ngoài ra, bản thân ông TR cũng giữ sổ theo dõi mua bán nên việc ông cho rằng không biết rõ số nợ là không có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm ông TR có 02 lần yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm trưng cầu giám định đối với các chữ ký tên của ông trong cuốn sổ theo dõi nợ tiền do nguyên đơn cung cấp làm căn cứ khởi kiện. Tại kết luận số 5100/C09 ngày 09/01/2020 của Phân viện khoa học hình S tại thành phố Hồ chí Minh đã kết luận “..04 (bốn ) chữ ký trên nội dung bắt đầu và kết thúc bằng những từ “ Anh Tư ...74.400” (bút lục số 34 TAND Châu Thành –Ký hiệu A 1); chữ ký trên nội dung bắt đầu và kết thúc bằng những từ “Tiếp:23,3,2017...776”( bút lục số 33 TAND Châu Thành –Ký hiệu A 2);chữ ký trên tài liệu có nội dung bắt đầu và kết thúc bằng những từ :” Hết khuyến mãi....33,851” (bút lục số 25 TAND Châu Thành –Ký hiệu A 3)so với chữ ký mang tên Lê Văn TR trên 04 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 ;chữ ký trên 04 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M5 đến M8 do cùng một người ký ra”. Tại kết luận giám định số 265/C09-P5 ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Viện khoa học hình S Bộ công an đã kết luận “..Chữ ký cần giám định trên các mẫu ký hiệu A 1, A 2, A 3 so với chữ ký của ông lê văn TR trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M 1 đến M 6 do cùng một người ký ra”.Do đó lời trình bày của ông TR về việc chỉ nợ bà S 75.000.000 đồng là không có căn cứ nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông TR.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn TR, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân S.

[4] Về án phí: Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, ông có trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế, nhưng không thuộc các trường hợp miễn, giảm tiền án phí theo qui định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Ông Lê Văn TR phải chịu án phí dân S phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp xem như thi hành xong phần án phí dân S phúc thẩm.

[5] Xét lời đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm là không phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6]Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm Sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân S;

Căn cứ vào các điều 357, 430, 431, 433 và Điều 440 Bộ luật Dân S;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn TR, giữ nguyên Bản án dân S sơ thẩm số 152/2019/DS-ST ngày 13/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị S, có người đại diện theo ủy quyền là bà Võ Thị Đ.

Buộc ông Lê Văn TR trả cho bà Võ Thị S 283.948.000 (hai trăm tám mươi ba triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn) đồng, thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân S tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Ông Lê Văn TR phải chịu 14.197.400 đồng án phí dân S sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân S phúc thẩm. Ông TR đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân S phúc thẩm theo biên lai thu số 0009935 ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân S huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang; khấu trừ xem như ông TR đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí dân S phúc thẩm; ông TR phải nộp tiếp 14.197.400 đồng án phí dân S sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Võ Thị S 7.123.000 đồng tạm ứng án phí dân S sơ thẩm mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0009709 ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân S huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân S thì người được thi hành án dân S, người phải thi hành án dân S có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án*

*hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân S; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân S.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Đạt**